

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày
30 tháng 06 năm 2012**

Crowe Horwath™

Công ty Kiểm toán DTL

Thành viên Crowe Horwath International

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	03 - 04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2012	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000083 ngày 01 tháng 06 năm 2000 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 12 năm 2008.

Trụ sở được đặt tại số 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.000.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải biển trong và ngoài nước;
- Thực hiện các giao dịch đại lý: tàu biển, giao nhận vận tải đa phương thức;
- Môi giới hàng hải; Cung ứng tàu biển; Kinh doanh xuất nhập khẩu.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong giai đoạn tài chính nêu trên và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Bùi Việt Hoài	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ 07/05/2012)
Ông Trần Văn Tôn	Chủ tịch (Từ nhiệm từ 07/05/2012 và là thành viên từ ngày 7/5/2012)
Ông Vũ Hữu Chính	Thành viên (Từ nhiệm từ 21/04/2012)
Ông Nguyễn Xuân Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Hoàn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Hữu Hoàn	Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Toàn	Phó Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2012


NGUYỄN HỮU HOÀN

Số: 13.147/BCSX-2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 23 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

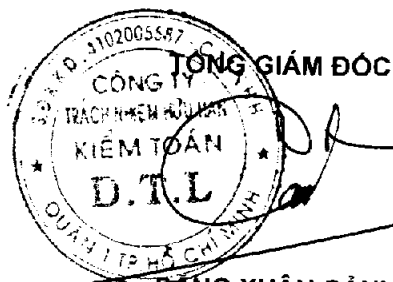
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ngoài ra, chúng tôi xin lưu ý về báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 các vấn đề như sau:

- Như trình bày tại mục 4.2 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm, Công ty đã ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 201"). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được trình bày tại mục số 4.2 của Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm.

- Như đã trình bày tại mục 4.13 của Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm, tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, các khoản mục phải trả ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 28.021.992.028 đồng. Điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể đưa đến sự hoài nghi đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

**TỔNG GIÁM ĐỐC****ĐẶNG XUÂN CẢNH**

Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2012

KIỂM TOÁN VIÊN**ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN**

Chứng chỉ KTV số 0425/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.168.897.112	16.934.359.444
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	33.013.432	67.852.929
1. Tiền	111		33.013.432	67.852.929
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	4.940.286.611	7.481.631.292
1. Phải thu khách hàng	131		-	5.615.348.703
2. Trả trước cho người bán	132		4.512.549.098	563.837.909
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		427.737.513	1.302.444.680
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	8.468.977.146	4.695.306.792
1. Hàng tồn kho	141		8.468.977.146	4.695.306.792
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.726.619.923	4.689.568.431
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.4)	2.067.187.624	2.314.091.727
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.455.644.457	2.375.476.704
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		203.787.842	-

(Phần tiếp theo trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

TÀI SẢN	Ma số	In. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		197.148.413.633	205.427.084.040
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		179.991.394.167	188.035.306.387
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.5)	173.102.419.046	181.146.331.266
+ Nguyên giá	222		331.656.660.468	331.656.660.468
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(158.554.241.422)	(150.510.329.202)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(5.6)	6.683.820.000	6.683.820.000
+ Nguyên giá	228		6.683.820.000	6.683.820.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		205.155.121	205.155.121
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		17.157.019.466	17.391.777.653
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.7)	17.140.019.466	17.374.777.653
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		17.000.000	17.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		216.317.310.745	222.361.443.484

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		176.097.956.905	183.182.662.381
I. Nợ ngắn hạn	310		47.190.889.140	70.526.115.501
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.8)	22.989.095.766	48.666.122.001
2. Phải trả người bán	312	(5.9)	16.668.095.792	14.827.544.568
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.9)	4.209.339	4.209.339
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.10)	151.045.851	540.007.962
5. Phải trả người lao động	315	(5.11)	3.683.736.111	2.473.167.711
6. Chi phí phải trả	316	(5.12)	1.306.981.648	1.800.086.669
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.13)	2.260.984.583	2.088.237.201
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		126.740.050	126.740.050
II. Nợ dài hạn	330		128.907.067.765	112.656.546.880
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.14)	128.825.860.885	112.575.340.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		81.206.880	81.206.880
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.219.353.840	39.178.781.103
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.15)	40.219.353.840	39.178.781.103
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(188.100.000)	(188.100.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(10.176.223.235)	(11.216.795.972)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		583.677.075	583.677.075
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		216.317.310.745	222.361.443.484

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

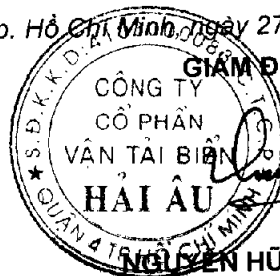
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		640,42	395,41
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THANH HÀ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2012



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỮU HOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	52.826.473.793	65.468.058.299
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		52.826.473.793	65.468.058.299
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	43.804.443.040	46.090.513.869
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.022.030.753	19.377.544.430
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		141.997.831	1.981.926.791
7. Chi phí tài chính	22	(6.3)	5.214.643.650	26.756.106.642
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		4.165.768.939	5.868.693.322
8. Chi phí bán hàng	24	(6.4)	1.565.538.285	1.113.651.263
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	2.383.846.649	3.077.629.985
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		-	(9.587.916.669)
11. Thu nhập khác	31		-	22.723.800.000
12. Chi phí khác	32		-	9.577.447.083
13. Lợi nhuận khác	40		-	13.146.352.917
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		-	3.558.436.248
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	938.944.062
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		-	2.619.492.186
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	526

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THANH HÀ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2012

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỮU HOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		-	3.558.436.248
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		8.043.912.220	8.056.968.286
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		307.447.737	14.296.098.435
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(13.146.352.917)
Chi phí lãi vay	06		4.165.768.939	5.868.693.322
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		12.517.128.896	18.633.843.374
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.257.389.086	(963.918.226)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.773.670.354)	(383.554.573)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		2.846.767.810	(2.980.941.459)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		481.662.290	7.127.905.628
Tiền lãi vay đã trả	13		(4.228.497.004)	(5.987.446.983)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(442.239.871)	(411.449.186)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		8.658.540.853	15.034.438.575
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	13.146.352.917
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	13.146.352.917

(Phần tiếp theo trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN HẢI ÂU**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

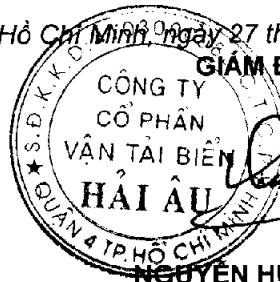
Cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(30.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		16.294.549.599	5.094.019.421
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(24.987.929.949)	(29.227.613.145)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.800.434.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.693.380.350)	(26.964.027.724)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(34.839.497)	1.216.763.768
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		67.852.929	91.583.414
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	5.313.929
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		33.013.432	1.313.661.111

KẾ TOÁN TRƯỞNG**LÊ THANH HÀ**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2012

**GIÁM ĐỐC****NGUYỄN HỮU HOÀN**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000083 ngày 01 tháng 06 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 12 năm 2008.

Trụ sở được đặt tại số 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.000.000.000 đồng.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 75 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 96 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải biển trong và ngoài nước;
- Thực hiện các giao dịch đại lý: tàu biển, giao nhận vận tải đa phương thức;
- Môi giới hàng hải; Cung ứng tàu biển; Kinh doanh xuất nhập khẩu.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

- Đối với tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.
- Đối với các khoản nợ phải thu dài hạn bằng ngoại tệ: Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Đối với các khoản nợ phải trả dài hạn bằng ngoại tệ:

+ Trường hợp chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái thì chênh lệch tỷ giá hạch toán vào chi phí tài chính trong năm và tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì Công ty được phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

+ Trường hợp chênh lệch giảm thì được hạch toán vào thu nhập tài chính.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ("Thông tư 201") ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính như nêu trên có sự khác biệt so với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo VAS 10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 201 và tin tưởng rằng việc áp dụng này cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Theo đó, việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 201 làm thay đổi các khoản mục được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Trình bày theo VAS 10	Trình bày theo Thông tư 201	Chênh lệch
416	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(10.176.223.235)	10.176.223.235
420	Lợi nhuận chưa phân phối	(9.592.546.160)	583.677.075	(10.176.223.235)

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
+ Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
+ Phương tiện vận tải	06 - 20 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
+ Quyền sử dụng đất	Không khấu hao

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Theo nghị quyết của Quốc Hội số 29/2012/QH13 ngày 21 tháng 06 năm 2012 về Ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân. Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.10. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.12. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 là số liệu đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

4.13. Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, các khoản phải trả ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 28.021.992.028 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 53.591.756.057 đồng). Điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể đưa đến sự hoài nghi đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào nguồn thu trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư, ngân hàng. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 không có lý do gì để Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư, ngân hàng sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục ít nhất trong 12 tháng tới.

(Phần tiếp theo trang 16)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	4.870.221	48.741.650
Tiền gửi ngân hàng	28.143.211	19.111.279
Tổng cộng	33.013.432	67.852.929

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	-	5.615.348.703
Trả trước cho người bán	4.512.549.098	563.837.909
Các khoản phải thu khác	427.737.513	1.302.444.680
Tổng cộng	4.940.286.611	7.481.631.292

Khoản trả trước cho người bán chủ yếu là khoản ứng trước tiền trước cho chi phí sửa chữa tàu.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền bồi thường bảo hiểm	300.627.137	1.130.448.986
Các khoản phải thu khác	127.110.376	171.995.694
Tổng cộng	427.737.513	1.302.444.680

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	8.454.342.146	4.693.451.792
Công cụ, dụng cụ	14.635.000	1.855.000
Tổng cộng	8.468.977.146	4.695.306.792

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	1.114.011.086	1.805.696.101
Chi phí bảo hiểm tàu	871.764.815	309.267.228
Chi phí sử dụng đăng kiểm	81.411.723	199.128.398
Tổng cộng	2.067.187.624	2.314.091.727

(Phần tiếp theo trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN HẢI ÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	7.235.675.183	199.069.952	324.004.750.900	217.164.433	331.656.660.468
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.235.675.183	199.069.952	324.004.750.900	217.164.433	331.656.660.468
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	472.200.620	158.953.649	149.662.010.500	217.164.433	150.510.329.202
Khấu hao trong kỳ	72.356.754	15.003.106	7.956.552.360	-	8.043.912.220
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	544.557.374	173.956.755	157.618.562.860	217.164.433	158.554.241.422
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	6.763.474.563	40.116.303	174.342.740.400	-	181.146.331.266
Tại ngày cuối kỳ	6.691.117.809	25.113.197	166.386.188.040	-	173.102.419.046

Nguyên giá tài sản khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 41.310.642.111 đồng.

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 173.077.305.849 đồng - Xem thêm các mục 5.8 và 5.14.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

5.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài tại số 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Toàn bộ tài sản cố định vô hình đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng - Xem thêm mục 5.8.

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí sửa chữa tàu	11.795.299.592	12.750.860.460
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	5.344.719.874	4.623.917.193
Tổng cộng	17.140.019.466	17.374.777.653

5.8 Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.783.096.651	5.648.282.001
Vay ngắn hạn cá nhân	1.986.180.000	737.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	18.219.819.115	42.280.840.000
Tổng cộng	22.989.095.766	48.666.122.001

Khoản vay ngắn hạn ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, được thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại văn phòng số 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Các khoản vay này có thời hạn 2 tháng và chịu lãi suất bằng 13%/năm đối với VND và 5,5%/năm đối với USD - Xem thêm các mục 5.5 và 5.6.

Khoản vay ngắn hạn cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, không thế chấp, không thời hạn và chịu lãi suất từ 12% đến 14%/năm.

5.9 Phải trả người bán, người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	16.668.095.792	14.827.544.568
Người mua trả tiền trước	4.209.339	4.209.339
Tổng cộng	16.672.305.131	14.831.753.907

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	78.769.091	521.008.962
Thuế thu nhập cá nhân	72.276.760	18.999.000
Tổng cộng	151.045.851	540.007.962

5.11 Phải trả người lao động

Chủ yếu là khoản tiền lương trong kỳ của một số thuyền viên chưa nhận do đang công tác dài ngày trên các tàu.

5.12 Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí bảo hiểm tàu	-	430.376.956
Chi phí lãi vay	1.306.981.648	1.369.709.713
Tổng cộng	1.306.981.648	1.800.086.669

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

5.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ tức	878.117.600	975.426.800
Thuế thu nhập cá nhân tạm khấu trừ	704.742.904	794.450.622
BHXXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	354.325.459	108.954.551
Phải trả khác	323.798.620	209.405.228
Tổng cộng	2.260.984.583	2.088.237.201

5.14 Vay và nợ dài hạn

Là các khoản vay dài hạn ngân hàng bằng USD nhằm mục đích mua và đóng các tàu kinh doanh vận tải biển, được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay (là các con tàu Sea Dream, Sea Dragon và Northern Star). Các khoản vay này có kỳ hạn từ 84 đến 99 tháng và chịu lãi suất hiện tại từ 4,3% đến 6,5%/năm - Xem thêm mục 5.5.

5.15 Vốn chủ sở hữu

5.15.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu Quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Lợi nhuận chưa phân phối	ĐVT: ngàn đồng Cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000	(158.100)	(18.504.075)	4.648.629	35.986.454
Mua lại cổ phiếu đã phát hành		(30.000)			(30.000)
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	(3.984.952)	(3.984.952)
Trích lập Quỹ				(80.000)	(80.000)
Phân bổ vào chi phí	-	-	7.287.279	-	7.287.279
Số dư đầu năm nay	50.000.000	(188.100)	(11.216.796)	583.677	39.178.781
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	-
Khác	-	-	1.040.573	-	1.040.573
Số dư cuối năm nay	50.000.000	(188.100)	(10.176.223)	583.677	40.219.354

5.15.2 Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	13.230.000.000	13.230.000.000
Tổng công ty Bảo Hiểm Nhân Thọ	4.410.000.000	4.410.000.000
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Hàng Hải	4.410.000.000	4.410.000.000
Các cổ đồng khác	27.950.000.000	27.950.000.000
Tổng cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

5.15.3 Cổ phần

	Cuối kỳ	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	5.000.000	5.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(18.810)	(18.810)
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	4.981.190	4.981.190

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu dịch vụ vận tải biển	52.826.473.793	63.833.845.252
Doanh thu khác	-	1.634.213.047
Tổng cộng	52.826.473.793	65.468.058.299

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn dịch vụ vận tải biển	43.804.443.040	44.563.463.380
Giá vốn khác	-	1.527.050.489
Tổng cộng	43.804.443.040	46.090.513.869

6.3. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	4.165.768.939	5.868.693.322
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.048.874.711	20.887.413.320
Tổng cộng	5.214.643.650	26.756.106.642

6.4. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí hoa hồng về môi giới dịch vụ vận tải biển.

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	1.709.806.678	1.877.051.469
Chi phí vật liệu, đồ dùng	38.685.657	58.851.863
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76.459.442	87.908.674
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.132.808	115.863.130
Chi phí khác bằng tiền khác	434.762.064	937.954.849
Tổng cộng	2.383.846.649	3.077.629.985

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.350.646.876	16.911.959.570
Chi phí nhân công	8.684.220.119	9.494.674.985
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.043.932.220	8.056.968.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.803.585.780	9.784.387.292
Chi phí khác bằng tiền	3.871.442.979	6.033.804.984
Tổng cộng	47.753.827.974	50.281.795.117

7. Báo cáo bộ phận

Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh vận tải biển, và không có báo cáo theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu là xuất khẩu dịch vụ. Do đó, không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần phải thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

8. Thông tin về bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, đơn vị sau đây được xem là bên có liên quan với Công ty:

Tên công ty

Mối quan hệ

Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam

Công ty liên kết

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	-	197.340.000
Lương Ban giám đốc	336.540.000	379.410.500
	336.540.000	576.750.500

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

- Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	30/06/2012	31/12/2011
Tài sản tài chính		
Tiền	33.013.432	67.852.929
Phải thu khách hàng và phải thu khác	427.737.513	7.481.631.292
Tổng cộng	460.750.945	7.549.484.221
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	151.814.956.651	161.241.462.001
Phải trả người bán và phải trả khác	18.929.080.375	20.141.113.711
Chi phí phải trả	1.306.981.648	1.800.086.669
Tổng cộng	172.051.018.674	183.182.662.381

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2012	31/12/2011	30/06/2012	31/12/2011
Đô la Mỹ (USD)	7.456.331,34	8.054.368,00	640,42	395,41

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	18.929.080.375	-	18.929.080.375
Chi phí phải trả	1.306.981.648	-	1.306.981.648
Vay nợ	22.989.095.766	128.825.860.885	151.814.956.651

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	20.059.906.831	81.206.880	20.141.113.711
Chi phí phải trả	1.800.086.669	-	1.800.086.669
Vay nợ	48.666.122.001	112.575.340.000	161.241.462.001

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	427.737.513	-	427.737.513

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.481.631.292	-	7.481.631.292

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 27 tháng 07 năm 2012.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THANH HÀ

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU HOÀN